TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-PT
Ngày: 19-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 07-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956 và bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1989; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 02/5/2023, Nguyễn Minh T là người có Giấy phép lái xe (Hạng B2) theo quy định, điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 71C-022.28 đi từ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để đến khu vực chợ H1 thuộc xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre bán trái cây. Đến khoảng 04 giờ 56 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe ô tô lưu thông trên Quốc lộ E đến địa phận ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, T không chú ý quan sát nên không phát hiện ông Huỳnh Văn P (sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre) đang đi bộ tập thể dục sát lề

đường bên phải cùng chiều phía trước. Khi T phát hiện ông P thì xe ô tô do T điều khiển cách ông P khoảng 08 mét nên T không xử lý kịp, xe ô tô do T điều khiển đụng vào ông P. Sau khi gây tai nạn, T không dừng xe lại mà tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy khỏi hiện trường theo hướng lưu thông, khi đến khu vực ngã ba Đ thuộc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre thì T điều khiển xe ô tô quay ngược lại theo tuyến đường đã đi, T đem xe ô tô về đậu trước nhà ông Nguyễn Văn T1 (cha ruột của T) ở ấp T, xã T, huyện M. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, T bị lực lượng Công an huyện Giồng Trôm mời T về làm việc. Hậu quả của vụ tai nạn làm ông P bị thương được đưa đến Bệnh viện N, tỉnh Bến Tre để cấp cứu, sau đó chuyển đến Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị, do bị thương nặng nên gia đình xin đưa ông P về nhà, đến 02 giờ 11 phút ngày 03/5/2023, ông P tử vong tại nhà ở ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hiện trường xảy ra vụ tai nạn nằm tại Km 32 trên Quốc lộ E thuộc địa phận ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, được trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 08 mét, mặt đường có vạch kẻ đường đứt quãng màu vàng chia thành 02 phần đường cho xe lưu thông ngược chiều nhau. Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng từ thành phố B đi huyện B; lấy mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm chuẩn để tiến hành đo, vẽ; chọn Trụ điện số 234 nằm ở ngoài mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm mốc cố định, hiện trường có các dấu vết sau:

+ Ốp nhựa màu đen có kích thước dài 0,26 mét, rộng 0,15 mét, nằm ngoài mép đường bên phải. Điểm gần nhất cách Trụ điện số 234 là 21,6 mét, cách mép đường bên phải là 2,4 mét, cách điểm gần nhất của mảnh vỡ 1 là 2,2 mét.

+ Mảnh vỡ 1 có kích thước dài 0,17 mét, rộng 0,17 mét, nằm ngoài mép đường bên phải. Điểm gần nhất cách Trụ điện 234 là 22,7 mét, cách mép đường bên phải là 0,15 mét, cách điểm gần nhất vùng kính vỡ là 1,4 mét.

+ Vùng kính vỡ có kích thước dài 0,4 mét, rộng 0,35 mét, có 01 phần kính vỡ nằm trên phần đường bên phải và 01 phần kính vỡ nằm ngoài mép đường bên phải. Điểm gần nhất nằm ngoài mép đường bên phải và cách mép đường bên phải 0,15 mét, cách điểm gần nhất mảnh vỡ 2 là 5,8 mét. Điểm xa nhất nằm trên phần đường bên phải, cách mép đường bên phải là 0,25 mét.

+ Mảnh vỡ 2 có kích thước dài 0,25 mét, rộng 0,12 mét nằm trùng mép đường bên phải, cách điểm gần nhất của vết máu là 4,6 mét.

+ Vết máu có kích thước tại nơi dài nhất là 0,4 mét, rộng nhất là 0,3 mét, nằm ngoài mép đường bên phải. Điểm gần nhất cách mép đường bên phải là 0,4 mét; điểm xa nhất cách mép đường bên phải là 0,65 mét.

- Vật chứng tạm giữ:

+ 01 ốp nhựa màu đen, kích thước (26 x 16)cm, bị nứt.

+ 02 mảnh nhựa màu trắng bạc bị nứt, gãy.

+ Nhiều mảnh kính vỡ, có kích thước khác nhau.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu JAC, loại xe tải có mui, màu sơn bạc, biển kiểm soát 71C-022.28.

+ 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T.

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô đối với xe ô tô 71C-022.28 mang tên Nguyễn Văn T1.

- Biên bản khám phương tiện đối với xe ô tô biển kiểm soát 71C-022.28 ghi nhận: Gương chiếu hậu bên phải gãy rời khỏi vị trí ban đầu, giá gương cong từ ngoài vào trong. Bên phải gương chắn gió có vết nứt dài 1,55 mét, rộng 0,8 mét; trong vùng rạn nứt có bám nhiều sợi màu đen nghi lông tóc, kích thước (0,15 x 0,15) mét, điểm cao nhất cách mặt đất 1,63 mét, điểm thấp nhất cách mặt đất 1,48 mét. Bên phải mặt trước nắp ca bô có vết thụng dài 0,46 mét, rộng 0,25 mét, sâu 0,02 mét. Bên phải cản trước bị vỡ dài 0,58 mét, rộng 0,2 mét, điểm cao nhất cách mặt đất 0,56 mét, điểm thấp nhất cách mặt đất 0,34 mét.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 81/KLGĐTT-KTHS ngày 06/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận đối với nguyên tử vong của Huỳnh Văn P như sau: nạn nhân Huỳnh Văn P chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập nhu mô não.

- Tại Kết luận giám định số 4234/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Dấu vết gãy vỡ trên 02 mảnh nhựa màu trắng bạc, ký hiệu A1 trùng khớp với dấu vết gãy vỡ trên cản bên phải xe ô tô màu trắng bạc mang biển kiểm soát 71C-022.28, ký hiệu M1.

+ Dấu vết gãy vỡ trên 01 ốp gương bị bể màu đen ghi thu tại hiện trường, ký hiệu A2 trùng khớp với dấu vết gãy vỡ trên mảnh nhựa màu đen ghi thu trên cần gương bên phải xe ô tô biển kiểm soát 71C-022.28, ký hiệu M2.

- Tại Kết luận giám định số 4237/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Chất màu trắng bạc của mẫu ký hiệu A1 (02 mảnh nhựa màu trắng bạc) có thành phần hóa học giống với chất màu trắng bạc của mẫu ký hiệu M1 (cản trước bên phải xe ô tô 71C-022.28 màu trắng bạc).

+ Chất màu đen của mẫu ký hiệu A2 (ốp gương bị bể màu đen thu tại hiện trường) có thành phần hóa học giống với chất màu đen của mẫu ký hiệu M2 (ốp nhựa màu đen còn dính trên cần gương bên phải xe ô tô 71C-022.28).

- Tại Kết luận giám định số 404/2023/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Giấy phép lái xe hạng B2 số 790089017520 cấp ngày 21/8/2013 mang tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/9/1979, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, là giấy thật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả 01 Giấy

phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T cho Nguyễn Minh T.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 200.000.000 đồng, trong giai đoạn điều tra và truy tố bị cáo đã bồi thường 110.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

Áp dụng điểm c khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 16/11/2023 bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp; kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 năm 06 tháng tù về "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện làm trả nợ và nuôi con, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo phải vay tiền bên ngoài để bồi thường cho phía bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: khoảng 04 giờ 56 phút ngày 02/5/2023, bị cáo Nguyễn Minh T là người có Giấy phép lái xe Hạng B2 theo quy định, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 71C-022.28 lưu thông trên Quốc lộ E hướng từ thành phố B đi huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo T điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát, đã vi phạm vào khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ, dẫn đến xe ô tô do bị cáo T điều khiển đụng vào ông Huỳnh Văn P đang đi bộ sát lề đường bên phải cùng chiều phía trước, gây ra hậu quả ông P tử vong. Sau khi gây tai nạn giao thông, bị cáo Nguyễn Minh T bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm, đã vi phạm vào khoản 17 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; khi tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ, điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát dẫn đến xe ô tô đụng vào người bị hại đang đi bộ sát lề đường bên phải cùng chiều phía trước, hậu quả làm bị hại tử vong, sau khi gây tai nạn giao thông đã bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm, đã vi phạm vào khoản 17, khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ, lỗi thuộc về bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của con người, xâm phạm an toàn giao thông đường bộ. Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" với tình tiết định khung "*Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm*" theo điểm c khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như "*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*" theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *có ông nội và bà ngoại của vợ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có

nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm xong cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn T1 có giao cho bà Nguyễn Thị Minh L số tiền 40.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía gia đình bị hại theo Bản án sơ thẩm tuyên; tại cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phải vay tiền bên ngoài để bồi thường cho phía bị hại, bị cáo đang nuôi 02 con còn nhỏ, bị cáo xin được hưởng án treo để có điều kiện làm trả nợ và nuôi con. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự, hậu quả làm chết người, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo, sau khi gây ra tai nạn giao thông bị cáo không đưa bị hại đi cấp cứu mà lại bỏ chạy khỏi hiện trường nhằm trốn tránh trách nhiệm, điều đó đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật và tính mạng của người khác, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy, quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Minh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (3b);
- Công an và VKSND huyện Giồng Trôm (2b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông